BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM 2020
(Kèm theo thông báo số 1462 /TB-ĐHYDCT ngày 5 tháng 10 năm 2020)

TT	Họ và tên		Phái	CMND	Ngày sinh	Hộ khẩu	KV	ĐT	M1	M2	M3	ĐUT	ĐXT
	Y KHOA (XÉT ĐIỂM THI THPT)												
1	Nguyễn Minh	Nhựt	Nam	363670013	27/07/1990	Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	1	03	8.2	9	7.75	2.75	27.7
2	Nguyễn Minh	Thông	Nam	321513291	04/09/1995	Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre	2NT		9.6	8.5	8.75	0.5	27.35
3	Nguyễn Thùy Khánh	Vy	Nữ	301521341	30/07/1995	Huyện Vĩnh Hưng, Tỉnh Long An	2NT	07	9.2	8.5	8	1.5	27.2
4	Lê Thị Nhật	Minh	Nữ	381771833	24/10/1994	Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau	1		9.2	8.25	9	0.75	27.2
5	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	Nữ	381683878	02/07/1994	Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau	2NT	04	8.4	8	8.25	2.5	27.15
6	Nguyễn Lê Anh	Khoa	Nam	312196260	26/01/1992	Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang	2	07	9.2	8.25	8.25	1.25	26.95
7	Phan Trọng	Nhân	Nam	341683647	12/10/1992	Huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp	2NT	07	8.8	8	8.5	1.5	26.8
8	Hồ Kha	Băng	Nam	381707674	01/01/1994	Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau	3	03	9.2	8	7.5	2	26.7
9	Võ Chí	Hiếu	Nam	334733244	27/02/1991	Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long	2NT	07	8.4	8.5	8.25	1.5	26.65
10	Nguyễn Trà Thiện	Vinh	Nữ	281058095	18/09/1993	Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương	2NT	07	8.6	8.25	8.25	1.5	26.6
11	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	321545864	10/10/1995	Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre	2NT	07	9	7.5	8.5	1.5	26.5
12	Lê Tiến	Khoa	Nam	362390947	25/10/1992	Huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ	2	07	9	8.25	8	1.25	26.5
13	Ngô Hoàng Cẩm	Nhung	Nữ	291060225	02/09/1993	Thị xã Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh	1	07	8.4	8.25	8	1.75	26.4
14	Phùng Quốc	Duy	Nam	331450955	28/02/1987	Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	2	03	9.4	7.5	7.25	2.25	26.4
15	Phan Thảo	Linh	Nữ	366014233	24/06/1994	Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	1	07	8.4	7.5	8.75	1.75	26.4
16	Nguyễn Hồng	Thu	Nữ	280976367	07/08/1992	Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	2	07	8.6	8	8.5	1.25	26.35
17	Lê Ái	Nhẫn	Nữ	831730779	09/11/1993	Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau	1		8.8	8.25	8.5	0.75	26.3
18	Trần Thanh	Tâm	Nữ	365897111	21/11/1992	Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	1	01	8	7.75	7.75	2.75	26.25
19	Phạm Văn	Thắng	Nam	072096001487	01/01/1996	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	1		9.2	8.75	7.5	0.75	26.2
20	Lê Minh	Vương	Nam	261142890	05/03/1991	Huyện Đức Linh, Tỉnh Bình Thuận	1	06	8.4	8.25	7.75	1.75	26.15
21	Nguyễn Hoài	Thương	Nam	371847256	29/08/1995	Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	1		8.4	8.25	8.75	0.75	26.15
22	Trần Thị	Xinh	Nữ	371344968	15/01/1989	Huyện An Biên, Tỉnh Kiên Giang	1	07	7.6	8.5	8.25	1.75	26.1
23	Trần Minh	Trọng	Nam	281102980	20/05/1995	Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	2	07	8.8	7.75	8.25	1.25	26.05
24	Nguyễn Kiến	Tường	Nam	072095003187	22/08/1995	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	2NT	07	8.8	7.25	8.5	1.5	26.05
	Y HỌC CỔ TRUYỀN (XÉT ĐIỂM THI THPT)												
1	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	371671521	14/01/1995	Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	2NT	07	8.8	8.25	8.5	1.5	27.05
2	Lê Minh Trí	Như	Nam	331726512	27/09/1994	Huyện Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long	2NT	07	9	7.5	8.25	1.5	26.25

TT	Họ và tên		Phái	CMND	Ngày sinh	Hộ khẩu	KV	ĐT	M1	M2	M3	ĐƯT	ĐXT
3	Hoàng Thanh	Hiếu	Nam	272460773	22/09/1995	Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	1	01	7.6	7.5	8.25	2.75	26.1
4	Võ Huỳnh Anh	Nam	Nam	092091003624	27/03/1991	Huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ	2	07	8.8	8	8	1.25	26.05
5	Tăng	Tươi	Nam	385453862	00/00/1990	Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu	1	01	8.6	8.25	6.25	2.75	25.85
6	Đoàn Tấn	Đạt	Nam	371576406	23/10/1993	Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	2	07	8.2	9.25	7	1.25	25.7
7	Đặng Quang	Huy	Nam	385570313	08/10/1992	Huyện Hồng Dân, Tỉnh Bạc Liêu	1	07	8	7.75	8	1.75	25.5
	Y KHOA (XÉT ĐIỂM HỌC BẠ)												
1	Thạch Ngọc	Hiền	Nữ	352494920	03/09/1988	Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	1	01	9.6	8.4	10	2.75	30.75
2	Lai Hán	Văn	Nam	371757652	18/04/1998	Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	1	07	9.4	9.1	8.7	2.75	29.95
3	Nguyễn Thị Mai	Thi	Nữ	301432973	01/10/1992	Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	2NT	07	8.7	10	9.64	1.5	29.84
4	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	301585661	18/08/1995	Huyện Châu Thành, Tỉnh Long An	2NT	06	9.5	8.9	9.57	1.5	29.47
5	Bàng Tuyết	Ngân	Nữ	366170327	01/06/1998	Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng	1	07	8.6	9	9	2.75	29.35
6	Hồ Sỹ	Sang	Nam	186718877	22/08/1988	Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2	03	9.2	9.4	8.4	2.25	29.25
7	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	301421403	13/06/1992	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	2NT	07	9.1	9.4	9.2	1.5	29.2
8	Cao Thị Diễm	Linh	Nữ	301717856	16/04/1992	Huyện Mộc Hóa, Tỉnh Long An	2NT	07	8	10	9.57	1.5	29.07
9	Phan Lê Thanh	Tùng	Nam	311790946	10/09/1985	Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	2		9.2	10	8.44	1.25	28.89
10	Trần Văn	Đông	Nam	366095874	21/09/1994	Huyện Cù Lao Dung, Tỉnh Sóc Trăng	1		8.5	9.1	8.35	2.75	28.7
11	Nguyễn Ngọc	Châu	Nam	301342517	16/04/1988	Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An	2	01	8.3	9.7	8.43	2.25	28.68
12	Đinh Thị Mỹ	Linh	Nữ	321494756	10/06/1994	Huyện Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre	2NT	03	9.4	8.9	8.7	1.5	28.5
13	Mạc Thế	Phong	Nam	321700735	29/05/1998	Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre	1	07	9.4	9.1	9.2	0.75	28.45
14	Thái Hoàng	Huy	Nam	341580121	15/03/1992	Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	2NT		8.4	8.84	8.7	2.5	28.44
15	Danh	Nhớ	Nam	371667561	09/12/1993	Huyện Giồng Riềng, Tỉnh Kiên Giang	3	07	8.7	9.1	8.6	2	28.4
16	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	351477034	09/11/1983	Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	2NT	03	8.4	8.4	10	1.5	28.3
17	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	Nữ	366171651	13/04/1997	Huyện Mỹ Tú, Tỉnh Sóc Trăng	1	07	8.5	8.8	8.23	2.75	28.28
18	Lê Sao	Băng	Nữ	311874149	19/02/1987	Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang	2	01	8.8	9.1	9.07	1.25	28.22
19	Phạm Tấn	Tài	Nam	352194505	15/01/1992	Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	2NT	06	7.8	9.4	9.4	1.5	28.1
20	Lê Phú Trường	An	Nữ	312313236	10/12/1995	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	2NT	07	9.6	8.9	8.1	1.5	28.1
21	Văn Hữu	Hòa	Nam	351590040	01/01/1986	Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	2		8.8	9.2	8.83	1.25	28.08
22	Trần Hữu	Trung	Nam	352275963	14/09/1996	Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	2	03	9.5	9.3	9	0.25	28.05
	Y HỌC CỔ TRUYỀN (XÉT ĐIỂM HỌC BẠ)												
1	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	Nữ	366171651	13/04/1997	Huyện Mỹ Tú, Tỉnh Sóc Trăng	1	01	8.5	8.8	8.9	2.75	28.95
2	Nguyễn Thị Lê	Quí	Nữ	311819507	27/09/1986	Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang	2NT	07	8.3	9.5	9.56	1.5	28.86
3	Lâm Đức	Cường	Nam	272136277	28/12/1992	Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	2	07	8.8	8.4	9.79	1.25	28.24
4	Lê Nguyễn Xuân	Mai	Nữ	312224027	29/01/1994	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	2NT	07	8.7	8.5	9.03	1.5	27.73

TT	Họ và tên		Phái	CMND	Ngày sinh	Hộ khẩu	KV	ĐT	M1	M2	M3	ĐƯT	ĐXT
5	Nguyễn Thị Hồng	Mai	Nữ	331895584	20/10/1996	Huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long	2NT		9.4	9.4	8.4	0.5	27.7
6	Huỳnh Thị Út	Tiến	Nữ	311650605	12/07/1981	Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang	2NT	06	8.8	8.4	9	1.5	27.7
7	Nguyễn Hữu	Ý	Nam	352454474	10/05/1998	Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	2NT		9.1	8.8	9.3	0.5	27.7
8	Lê Thị	Phấn	Nữ	334290284	16/06/1986	Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh	1	07	8.7	8.5	8.65	1.75	27.6
9	Võ Văn	Lãm	Nam	312042360	01/01/1989	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	2	06	8.7	8.3	9.27	1.25	27.52
10	Trần Thị Dịu	Hiền	Nữ	371405092	15/07/1990	Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	2	07	8.4	8.8	9	1.25	27.45
	Y HỌC DỰ PHÒNG												
1	Lê Thị	Diệu	Nữ	365903905	24/11/1990	Huyện Long Phú, Tỉnh Sóc Trăng	1	07	8.5	7.9	10	1.75	28.15
2	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	Nữ	365966599	22/02/1992	Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng	1	07	9.2	7	10	1.75	27.95
3	Lý Thị Mỹ	Hằng	Nữ	366030802	10/07/1994	Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng	1	01	7	8.8	9	2.75	27.55
4	Nguyễn Thị Ánh	Mộng	Nữ	301458542	16/06/1993	Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An	2	07	8.1	8.4	9.7	1.25	27.45
5	Nguyễn Việt Như	Ngọc	Nữ	301449359	12/09/1993	Huyện Tân Hưng, Tỉnh Long An	2NT	07	7.6	8.5	9.7	1.5	27.3
6	Trần Văn	Đen	Nam	365699904	21/12/1987	Huyện Long Phú, Tỉnh Sóc Trăng	1	07	8	7.5	10	1.75	27.25
7	Hồ Thị Huệ	Thanh	Nữ	301443826	11/10/1993	Thị xã Kiến Tường, Tỉnh Long An	1		8.5	8.9	9	0.75	27.15
8	Ngô Tấn	Lợi	Nam	321427544	10/07/1990	Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre	2NT	07	7.5	8.1	10	1.5	27.1

Danh sách có 71 thí sinh trúng tuyển.

**** Ghi chú:***

- KV, ĐT: Khu vực ưu tiên, đối tượng ưu tiên

- M1, M2, M3: Điểm Toán, Hóa, Sinh đối với xét điểm thi THPT; điểm môn Cơ bản, Cơ sở, Chuyên ngành đối với xét học bạ.

- ĐƯT: tổng điểm ưu tiên (ưu tiên theo khu vực và ưu tiên theo đối tượng)

- ĐXT: điểm xét tuyển